

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TOÁN 6

SỐ HỌC

CHƯƠNG I: TẬP HỢP

1. TẬP HỢP _ PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP

Câu 1(0.5 đ) Cho tập hợp $A=\{0\}$

- A. A không phải là tập hợp
- B. A là tập hợp rỗng
- C. A là tập hợp có 1 phần tử là 0
- D. A là tập hợp không có phần tử nào

2. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

Câu 2:(0.5 đ) Điền vào chỗ trống để ba số ở mỗi dòng là ba số tự nhiên liên tiếp tăng dần

.....;; 12

.....; a ;

3. GHI SỐ TỰ NHIÊN

Câu 3:(0.5 đ) Số tự nhiên lớn nhất có hai chữ số khác nhau là

4. SỐ PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP – TẬP HỢP CON

Câu 4(0.75 đ) Cho tập hợp $M=\{1;2;3\}$. Trong các tập hợp sau tập hợp nào là tập hợp con của M

- $M_1=\{0;1\}$ B. $M_2=\{0;2\}$ C. $M_3=\{3;4\}$ D. $M_4=\{1;3\}$

5. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP NHÂN

Câu 5:(0.75 đ) Điền vào chỗ trống cho phù hợp Đ-S (đúng hay sai)

$$17.(19+38) = 17.19 + 38 \quad \square$$

6. PHÉP TRỪ VÀ PHÉP CHIA

Câu 6(1 đ) Điền số thích hợp vào ô trống:

A. $2007 + \square = 2007$ C. $2007 - \square = 2007$

B. $2007 \times \square = 2007$ D. $2007 : \square = 2007$

7. LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN . NHÂN HAI LŨY THỪA CÙNG CƠ SỐ

Câu 7:(0.5 đ) Cách tính đúng là:

- A. $2^2.2^3 = 2^5$ B. $2^2.2^3 = 2^6$ C. $2^2.2^3 = 4^6$ D. $2^2.2^3 = 4^5$

Câu 8:(0.5 đ) Cách tính đúng là:

- A. $2.4^2 = 8^2 = 64$ B. $2.4^2 = 2.16 = 32$
C. $2.4^2 = 2.8 = 16$ D. $2.4^2 = 8^2 = 16$

8. CHIA HAI LŨY THỪA CÙNG CƠ SỐ

Câu 9:(0.5 đ) Kết quả đúng của phép tính $2^6:2$ là

- A. 2^7 B. 2^6 C. 2^5 D. 1^7

9. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH

Câu 10:(0.5 đ) Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc

- A. 1- Nhân và chia 2- Lũy thừa 3- Cộng và trừ
B. 1- Cộng và trừ 2- Nhân và chia 3- Lũy thừa
C. 1- Cộng và trừ 2- Lũy thừa 3- Nhân và chia
D. 1- Lũy thừa 2- Nhân và chia 3- Cộng và trừ

10. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

Câu 11:(0.5 đ) Đ-S

- a) Nếu mỗi số hạng của tổng chia hết cho 4 thì tổng chia hết cho 4 ☐
b) Nếu mỗi số hạng của tổng không chia hết cho 4 thì tổng không chia hết cho 4 ☐

11. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

Câu 12:(1 đ) Hãy khoanh tròn chữ đứng trước câu trả lời đúng nhất:

Có người nói:

- A. Số chia hết cho 5 có chữ số tận cùng là 5
B. Số chia hết cho 2 có chữ số tận cùng là 8
C. Số có chữ số tận cùng là 8 thì chia hết cho 2
D. Cả ba câu trên đều đúng

12. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

Câu 13:(0.75 đ) Lấy các số từ cột A, viết vào vị trí phù hợp ở cột B

Cột A	Cột B
147; 594; 1205; 120; 39258; 2515; 2148; 1201; 3103	A. Những chữ số chia hết cho 3 là: B. Những chữ số chia hết cho 9 là: C. Những chữ số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là

Câu 14:(1 đ)Lấy các số thứ tự chỉ “dấu hiệu chia hết” ở cột A, viết vào vị trí tương ứng phù hợp ở cột B

Cột A	Cột B
1. Có chữ số tận cùng là chữ số chẵn 2. Có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 3. Có tổng các chữ số chia hết cho 9 4. Có tổng các chữ số chia hết cho 3	a. Số chia hết cho 3 b. Số chia hết cho 5 c. Số chia hết cho 2 d. Số chia hết cho 9